TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 12 - 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1116/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Bà NTNM, sinh năm 1996; thường trú: Ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh A; tạm trú: Ô54, DC 31, K4, phường AP, thành phố TA, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: Ông NVP, sinh năm 1991; thường trú: Ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh A; tạm trú: Ô54, DC 31, K4, phường AP, thành phố TA, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2023, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà NTNM trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P tự nguyện tìm hiểu nhau, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang ngày 16/5/2017, có tổ chức lễ cưới, được sự đồng ý của gia đình hai bên.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Ông P đi làm nhưng cờ bạc, không đưa lương về để cùng bà trang trải cuộc sống gia đình, không chia sẻ việc nhà mà suốt ngày cứ gây gỗ, bà và ông P ly thân 5, 6 tháng nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông NVP

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung NTNN, sinh ngày 11/01/2018. Bà NTNM yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 10/11/2023, lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn ông NVP trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà M về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung hạnh phúc. Tuy nhiên ông P thừa nhận sai lầm là do ông, ông có cờ bạc nhưng không ảnh hưởng kinh tế gia đình, vì trước đây ông có hay xin tiền bà M, bà M cho tiền mà ném tiền ra, ông cảm thấy bị xúc phạm nên ông tự ái, ông quyết định không đưa lương cho bà Mai giữ mà để tự chi tiêu, sau khi lãnh lương thì ông tự nguyện chuyển tiền về quê để cho ông bà nuôi cháu N, còn lại ông giữ để chi tiêu. Vì ông giữ lại tiền để chi tiêu nên bà M tự lo kinh tế để trang trải cuộc sống, ăn uống gia đình vợ chồng, trước đây ông có phụ việc nhà cho bà M nhưng bà M chê, càm ràm nên ông tự ái không làm việc nhà do đó bà M làm hết việc nhà. Ông và bà M đã ly thân 5-6 tháng nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Nay ông P nhận thấy bản thân ông quá sai, ông xin hứa sẽ thay đổi, sẽ phụ giúp việc nhà cho bà Mai, từ bỏ cờ bạc, không chơi bời, lãnh lương về sẽ đưa hết cho bà M để lo cho con và cuộc sống gia đình. Ông P đề nghị tòa án hòa giải đoàn tụ, không đồng ý ly hôn

+ Về con chung: Có 01 con chung ntnn, sinh ngày 11/01/2018. Trong trường hợp tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn thì ông đồng ý để bà M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, bà M không yêu cầu ông cấp dưỡng nên ông không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết và đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông NVP có cư trú tại địa chỉ Ô54 Dc31 khu phố 4, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình tố tụng bà M, ông P có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông P tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang ngày 16/5/2017,do đó hôn nhân của bà Mai và ông Phi là hợp pháp.

Quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng địa phương không rõ. Nguyên đơn bà M và ông P thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông P không phụ giúp bà Mai trong việc phát triển kinh tế và việc gia đình, ông bà đã có thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau, bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P, ông P không đồng ý ly hôn, đề nghị toà án tiến hành hoà giải đoàn tụ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông P không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Ông bà đã có thời gian sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà M về việc ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 01 con chung NTNN, sinh ngày 11/01/2018. Bà M và ông P thống nhất trong trường hợp tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn thì ông P đồng ý để bà Mai được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà M được được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, bà M không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con nên ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTNM đối với bị đơn ông NVP.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà NTNM được ly hôn với ông NVP.

- Về con chung: Giao con chung NTNM, sinh ngày 11/01/2018 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, bà M không yêu cầu ông Phi cấp dưỡng nuôi con nên ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà NTNM phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001748 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS tp Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhâm